

Số /BC-UBND

Lào Cai ngày tháng 7 năm 2021

## BÁO CÁO

**Kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”**

Kính gửi: Bộ Y tế

Thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, UBND tỉnh Lào Cai đã tổ chức triển khai thực hiện với kết quả 3 năm đạt được như sau:

### I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Tình hình triển khai xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW**

a) Các kế hoạch, Đề án của Tỉnh ủy

Sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ban hành Nghị quyết 20-NQ/TW “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” (Nghị quyết 20-NQ/TW), Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025, Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Đề án số 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025” với các mục tiêu căn bản thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, nhiều mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 20-NQ/TW được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ, giải pháp Đề án của Tỉnh ủy.

b) Các kế hoạch của UBND tỉnh:

- Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 17/7/2018 thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính Phủ và Kế hoạch số 131-KH/TU ngày 30/3/2018 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Các kế hoạch hằng năm thực hiện Đề án số 7-ĐA/TU về “Phát triển y tế, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020” năm 2019- 2020.

- Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 08/3/2021 thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025”; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 24/3/2021 thực hiện Đề án 07-ĐA/TU năm 2021.

- Kế hoạch 214/KH-UBND ngày 10/7/2019 Thực hiện “Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới” trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai thực hiện chương trình phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về kế hoạch thực hiện chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030.

- Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 30/3/2018 thực hiện Chương trình mục tiêu y tế-dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018 và giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch 51/KH-UBND ngày 28/1/2019 thực hiện Chương trình mục tiêu y tế-dân số trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2019; các kế hoạch xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững hằng năm với nhiều mục tiêu, nhằm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW.

c) Các Cấp ủy, UBND các huyện/thị xã/Thành phố

Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBND các huyện/thị xã/thành phố đều đã xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và chương trình hành động của Chính phủ, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Đề án số 07-ĐA/TU giai đoạn 2020-2025.

d) Sở Y tế, các sở, ngành liên quan:

- Sở Y tế đã cụ thể hóa các mục tiêu Nghị quyết thành mục tiêu cụ thể của ngành trong các hoạt động chuyên môn trên các lĩnh vực: Phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia y tế, bảo đảm an toàn thực phẩm. Thường xuyên quán triệt, chỉ đạo các đơn vị việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. Ban hành Hướng dẫn số 492/HD-SYT ngày 18/3/2021, triển khai thực hiện Đề án 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới giai đoạn 2020-2025”, Văn bản số 604/SYT-KHTC ngày 31/3/2021 về triển khai thực hiện Đề án 07-ĐA/TU năm 2021 tới toàn thể các phòng chức năng, các đơn vị y tế trong ngành. Chỉ đạo các đơn vị y tế huyện tham mưu Huyện ủy, UBND các huyện/thị xã/thành phố ban hành kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện Đề án 07-ĐA/TU trên địa bàn.

- Các sở, ban, ngành liên quan đều đã bám sát chức năng nhiệm vụ được giao, tham mưu UBND tỉnh các đề án, kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết 20-NQ/TW và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

**2. Kết quả công tác tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW**

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn các huyện, thành phố, đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ, các cơ quan thông tin đại chúng, tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết 20-NQ/TW, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh, từng bước nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và cộng đồng về ý nghĩa, vị trí, tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, góp phần xây dựng phát triển tỉnh Lào Cai.

Các sở, ngành liên quan, cấp ủy, chính quyền địa phương, đã tích cực chỉ đạo việc tuyên truyền, quán triệt, thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW với nhiều hình thức đa dạng, như: Lồng ghép nội dung trong các hội nghị của cấp ủy, cơ quan; trong hội nghị báo cáo viên cấp huyện thường kỳ hoặc trong các buổi giao ban triển khai nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền. Đài Phát thanh - Truyền hình, các cơ quan truyền thông, báo chí, thực hiện tuyên truyền Nghị quyết 20-NQ/TW theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các cấp ủy cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền, thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW trong các hội nghị của cấp ủy, chính quyền, các buổi họp, giao ban cơ quan, đơn vị; đồng thời chỉ đạo các chi bộ, các tổ tuyên vận, tổ chức đoàn thể trực thuộc tổ chức họp, sinh hoạt thôn, tổ dân phố, đoàn thể để quán triệt, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết 20-NQ/TW.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Kết quả thực hiện các mục tiêu**

Tuổi thọ trung bình của người dân: 69,5 tuổi; Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế: 98%; Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng: 96,8%; Giảm tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi còn: 12,03 ‰; Giảm tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi còn: 8,77 ‰; Tỉ lệ suy dinh dưỡng thể trẻ dưới 5 tuổi thể thấp còi: 31% (*SL năm 2019, năm 2020 Viện dinh dưỡng chưa công bố*); Chiều cao trung bình thanh niên nam 18 tuổi: 165,8cm; Chiều cao trung bình thanh niên nữ 18 tuổi: 158,5 cm; Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe: 50%; Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm: 60%; Số giường bệnh/10.000 dân: 42,9; Số bác sĩ/10.000 dân: 12,6; Số dược sỹ đại học/10.000 dân: 2,94; Số điều dưỡng viên bình quân/10.000 dân: 13,8; Tỉ lệ giường bệnh tư nhân (so với tổng giường bệnh) đạt: 3,05; Tỷ lệ hài lòng của người bệnh: 90 % (Chỉ tiêu béo phì và chiều cao trung bình chưa đánh giá).

*(Có phụ lục đính kèm)*

### **2. Kết quả thực hiện các đề án, văn bản của Bộ Y tế, các bộ ngành ban hành theo nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết số 139/NQ-CP**

Ban hành các kế hoạch, chương trình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết số 139/NQ-CP, cụ thể:

- Kế hoạch 107/KH-UBND ngày 11/3/2019 thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai và đề ra các mục tiêu phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh. Sở Y tế đã có văn bản

chỉ đạo các đơn vị y tế trên địa bàn toàn tỉnh triển khai thực hiện các mục tiêu chương trình sức khỏe Việt nam đến năm 2030.

- Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 28/4/2017 thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020, với các mục tiêu: Tỷ lệ hộ gia đình có khẩu phần ăn cân đối đạt 75% vào năm 2020; đảm bảo an toàn thực phẩm trong bữa ăn của người dân, phấn đấu không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Giảm tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ <12% vào năm 2020; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 32% vào năm 2020 (mỗi năm giảm 1%) và dưới 26,7% tại các xã xây dựng nông thôn mới; suy dinh dưỡng thể cân nặng còn dưới 18%; tỷ lệ phụ nữ có thai được uống viên sắt/acid folic hoặc viên đa vi chất đạt trên 50%...

- Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 17/4/2018 triển khai thực hiện Đề án “Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030” trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018 với các nội dung trọng tâm: Truyền thông, tư vấn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và dinh dưỡng tại cơ sở y tế, cộng đồng; tổ chức lễ phát động về ngày vi chất dinh dưỡng (01-02/6), tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ (01-07/8), tuần lễ dinh dưỡng và phát triển (16-24/10). Bổ sung vi chất cho trẻ suy dinh dưỡng nặng dưới 5 tuổi tại các xã khó khăn (Cấp Hebi, viên Davika...). Cân, đo, đánh giá suy dinh dưỡng, điều trị trẻ suy dinh dưỡng nặng tại bệnh viện và cộng đồng theo phác đồ, triển khai các hoạt động can thiệp trong 1.000 ngày vàng cho trẻ phát triển.

- Kế hoạch 71/KH-UBND ngày 06/4/2019 về triển khai thực hiện chính sách quốc gia phòng chống tác hại lạm dụng đồ uống có cồn trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2019.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật An toàn thực phẩm mới ban hành: Nghị định số: 155/2018/NĐ-CP của chính phủ về sửa đổi bổ sung một số qui định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực ngành Y tế (Chi cục An toàn VSTP ban hành Văn bản số 309/C-TTr ngày 27/11/2018 chỉ đạo TTYT các huyện triển khai thực hiện); Nghị định 15/2018 /NĐ-CP của chính phủ về hướng dẫn thi hành luật ATTP (Chi cục An toàn VSTP Ban hành văn bản gửi số 37/CC-TTr ngày 26/3/2018 chỉ đạo TTYT các huyện triển khai thực hiện. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm đã có nhiều chuyển biến tích cực, giảm tối đa ngộ độc thực phẩm, không để tử vong do ngộ độc thực phẩm xảy ra.

### **3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII**

***3.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và của toàn xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân:***

- Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, UBND các huyện, TP ban hành kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW. Các huyện/thị xã/thành phố đã kiện toàn lại Ban Chỉ đạo công tác Y tế

- Dân số với sự tham gia đầy đủ của các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội; có phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên.

- Chất lượng hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được nâng lên. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách lĩnh vực y tế- dân số cho người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, người nghèo, đối tượng chính sách.

- Các sở, ban, ngành các đoàn thể đã có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; các hoạt động bảo đảm ATTP, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh, tham gia bảo hiểm y tế toàn dân ngày càng được tăng cường, có trách nhiệm.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, các phong trào thi đua, cuộc vận động có nhiều nội dung, tiêu chí liên quan tới công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe; tạo các điều kiện thuận lợi huy động các tổ chức xã hội, tôn giáo tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

### **3.2. Nâng cao sức khỏe nhân dân**

*3.2.1. Tập trung truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân:* Truyền thông về các biện pháp phòng chống dịch, bệnh; dinh dưỡng hợp lý, tiêm chủng mở rộng, thay đổi hành vi sức khỏe có hại, nâng cao sức khỏe người dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng vùng, từng dân tộc. Hằng năm Ban hành hàng ngàn lượt tin, bài, ảnh, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng cho trên 2.000.000 lượt người nghe.

*3.2.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tâm vóc người Lào Cai:* Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án số 7-ĐA/TU của Tỉnh ủy (khóa XV) về “Phát triển y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020”; Ban hành Đề án số 07-ĐA/TU về “Bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số tỉnh Lào Cai trong tình hình mới, giai đoạn 2020-2025”. Ban hành Kế hoạch số 215/KH-UBND của UBND tỉnh Lào Cai về triển khai, thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030, Kế hoạch 107/KH-UBND ngày 11/3/2019 thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam giai đoạn đến năm 2030; triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu y tế- dân số giai đoạn 2016-2020, quản lý dịch bệnh, quản lý bệnh không lây nhiễm, quan tâm bảo vệ, nâng cao sức khỏe người dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

*3.2.3. Khuyến nghị, phổ biến chế độ dinh dưỡng hợp lý cho từng nhóm đối tượng người dân:* Chú trọng chế độ dinh dưỡng người dân, đặc biệt là đối với trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú. Tuyên truyền thực hiện nuôi con bằng sữa mẹ và cho trẻ ăn bổ sung hợp lý, đa dạng phù hợp với lứa tuổi. Số phụ nữ có thai được bổ sung viên sắt/acid folic/đa vi chất năm 2019: 10.259 (đạt 132,2% kế hoạch). Số trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng các thể nhận được sản phẩm phục hồi dinh dưỡng đạt 82,8%; tỷ lệ trẻ 6-60 tháng được bổ sung

vitamin A 98,5%; xây dựng và duy trì mô hình chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ dựa vào cộng đồng.

3.2.4. *Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về ATTP, kiểm soát ATTP*: Thực hiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về ATTP của Bộ Y tế. Ngành Nông nghiệp đã tăng cường hướng dẫn, giám sát các chuỗi nông sản an toàn, trong năm 2019 đã xác nhận cho 27 sản phẩm nông sản tham gia chuỗi cung ứng nông sản an toàn (lũy tích toàn tỉnh đã có 66 chuỗi nông sản an toàn được xác nhận). Số cơ sở thực phẩm thực hiện quy trình tự công bố chất lượng sản phẩm tăng từ 37 hồ sơ năm 2018 lên 185 hồ sơ năm 2019. Tỷ lệ cơ sở thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu đã tăng từ 84% năm 2018 lên 90% năm 2019. Tỷ lệ ngộ độc thực phẩm giảm từ 3,6 ca/100.000 dân năm 2018 xuống còn 1,7 ca năm 2019.

3.2.5. *Công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy, đánh giá hiệu quả chương trình điều trị Methadone*: Duy trì 07 cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện tại bệnh viện đa khoa (BVĐK) các huyện Văn Bàn, Bảo Thắng, Bát Xát, Sa Pa, Bảo Yên, Trung tâm kiểm soát bệnh tật, cơ sở điều trị Methadone xã hội hóa và 09 cơ sở cấp phát thuốc Methadone tại phòng khám đa khoa khu vực (PKĐKKV). Tổng số bệnh nhân đang điều trị 1.387/1.350 (đạt 102,7% KH năm); lũy tích bệnh nhân điều trị là 3.244. Người nghiện ma túy dùng thuốc methadone duy trì trạng thái ổn định, cải thiện sức khỏe, ổn định cuộc sống, hòa nhập tốt với cộng đồng.

3.2.6. *Thực hiện các giải pháp nhằm giảm tiêu thụ, giảm tác hại của thuốc lá*: Tuyên truyền về tác hại của thuốc lá trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Đăng bài trên Báo Lào Cai, Phát phóng sự trên Đài phát thanh, truyền hình tỉnh; phát triển các tài liệu truyền thông về phòng chống tác hại của thuốc lá: in ấn pano, áp phích, tờ gấp, tài liệu đào tạo...; tổ chức lễ mít tinh, diễu hành cấp tỉnh về phòng chống tác hại của thuốc lá luân phiên tại các huyện/thị xã/thành phố. Tổ chức các lớp tập huấn về phòng chống tác hại của thuốc lá cho các thành viên ban chỉ đạo, chuyên trách tham dự.

3.2.7. *Kết quả của công tác y tế học đường; đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý, phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể*:

Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn về công tác y tế trường học, kiến thức phòng chống các bệnh tật lứa tuổi học đường, sử dụng và bảo quản tủ thuốc sơ cấp cứu cho các học viên là cán bộ chuyên trách, giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế trường học. Định kỳ tổ chức các đợt khám điều tra bệnh răng miệng, tật khúc xạ tại các huyện Si Ma Cai, Bát Xát, Mường Khương, Bảo Yên..nhằm phát hiện các bệnh về răng miệng, tật khúc xạ; các bệnh về dinh dưỡng, cong vẹo cột sống. Đẩy mạnh công tác truyền thông rửa tay bằng xà phòng, truyền thông về dinh dưỡng cho học sinh các trường.

3.2.8. *Kết quả triển khai đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu*:

Hướng dẫn xây dựng, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; kiểm tra giám sát chất lượng nước uống, sinh hoạt; triển khai phong trào cải tạo vệ sinh môi trường (VSMT) nông thôn; chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và cấp nước nông

thôn dựa trên kết quả”, vay vốn ngân hàng thế giới. Phối hợp truyền thông tại cộng đồng, cơ quan, công sở, trường học về VSMT, phòng chống dịch bệnh và ATTP... Vận động các gia đình xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Tham gia các đợt thi đua của tỉnh, ngành về công tác nước sạch, VSMT, phòng chống dịch bệnh như: Tuần lễ nước sạch VSMT, Ngày nước thế giới, Ngày môi trường thế giới... Tổng vệ sinh, thu gom rác thải tại trụ sở làm việc và tại các hộ gia đình, triển khai các hoạt động như treo băng zôn, khẩu hiệu, áp phích về chủ đề Vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe.

Các đơn vị y tế đã thực hiện tốt việc quản lý chất thải y tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BTNMT-BYT ngày 31/12/2015 và các văn bản pháp luật liên quan khác: Phân công lãnh đạo, cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải; thu gom, phân loại, xử lý theo đúng quy định; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng; thực hiện báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế theo quy định. Theo báo cáo của 214 cơ sở, ước tính tổng lượng chất thải lây nhiễm trong năm 2019: 126,96 tấn; chất thải nguy hại không lây nhiễm: 6,03 tấn; chất thải y tế thông thường: 758,985 tấn; tổng lượng nước thải y tế là 168.424,4 m<sup>3</sup>; chất thải đều được xử lý theo quy định.

*3.2.9. Đánh giá hiệu quả các hoạt động xã hội góp phần giảm thiểu những tác động, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng:* Các cấp ủy, chính quyền ở cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân, nhất là ở các địa bàn vùng cao xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân, như đi vệ sinh bừa bãi, đẻ tại nhà, chữa bệnh bằng thầy mo, thầy cúng... Đến tháng 12/2020, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 85,8% tổng số gia đình toàn tỉnh, tỷ lệ số hộ gia đình dùng nước sạch theo quy chuẩn đạt 62,5%

*3.2.10. Kết quả triển khai đồng bộ các giải pháp, chống thảm họa, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động; phòng, chống tai nạn, thương tích, cháy nổ, bệnh nghề nghiệp:* Năm 2019, Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện quan trắc môi trường lao động tại 27 cơ quan, đơn vị với 4.173 mẫu, trong đó có 3.759 mẫu đạt tiêu chuẩn (90,1%) và 414 mẫu không đạt tiêu chuẩn (9,9%). Khám sức khỏe định kỳ cho 23 cơ quan, đơn vị với 3.461 người lao động. Công tác phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả luôn được quan tâm chỉ đạo.

### **3.3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở:**

*3.3.1. Tình hình bảo đảm an ninh y tế, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra:* Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân về công tác phòng, chống dịch bệnh; 100% cán bộ làm công tác phòng, chống dịch được cập nhật nâng cao năng lực. Công tác phòng, chống dịch bệnh luôn chủ động trên địa bàn toàn tỉnh, giám sát chặt chẽ, phát hiện sớm, đáp ứng nhanh và xử lý triệt để các ổ dịch. Khoanh vùng

xử lý kịp thời vụ dịch sởi tại huyện Sa Pa (tháng 5-7/2018) với 354 trường hợp mắc (không có tử vong). Chỉ đạo cả hệ thống chính trị, nhân dân tích cực phòng chống dịch bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp do COVID-19 gây ra từ tháng 12/2019 với nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực, như lập chốt kiểm soát người xuất nhập cảnh trên tuyến biên giới, kiểm soát phương tiện và người từ Hà Nội và các tỉnh vào địa bàn, tạm dừng đón khách tại các khu, điểm du lịch, di tích; thành lập các khu cách ly tập trung, khu điều trị cách ly, giãn cách xã hội theo yêu cầu Trung ương, tổ chức điều trị cho bệnh nhân dương tính với bệnh viêm đường hô hấp cấp và những người thuộc diện nghi nhiễm... Kết quả là đã khống chế thấp nhất lây lan dịch bệnh. Đến hiện nay, toàn tỉnh mới phát hiện 6 ca dương tính với Covid 19, trong đó có 4 ca lây nhiễm tại cộng đồng, còn 2 ca là các trường hợp F0 đã điều trị khỏi từ tỉnh Bắc Giang trả về, bị tái dương tính. Tổng số người được tiêm vắc xin phòng, chống Covid 19: 38.359 người (khoảng 19% dân số tỉnh).

Thực hiện cung ứng đầy đủ, thường xuyên các loại vắc xin, vật tư tiêu hao, an toàn cho chương trình tiêm chủng mở rộng; duy trì đầy đủ tiêm chủng tại các xã, thôn/bản. Tỷ lệ trẻ <1 tuổi tiêm chủng đầy đủ năm 2018: 96,5 %; năm 2019: 96,7%; năm 2020 đạt 96,8% số trẻ. Tiêm vắc xin viêm gan B trong 24 giờ đầu sau sinh năm 2018 đạt: 86,6%; năm 2019 đạt 87,4% số trẻ; năm 2020 đạt 88,7% số trẻ. Tỷ lệ phụ nữ có thai được tiêm uốn ván năm 2018: 84,8%; năm 2019 đạt 96,7%; năm 2020 đạt 90,35%.

*3.3.2. Tăng nguồn lực cho phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét:* Huy động tối đa các nguồn lực từ kinh phí Trung ương, kinh phí địa phương và từ các tổ chức Quốc tế tài trợ cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét: Dự án Quỹ toàn cầu, Dự án chẩn đoán, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS (Dự án AHF) do Quỹ chăm sóc sức khỏe AIDS Hoa Kỳ tài trợ .

Công tác phòng, chống lao: Triển khai các can thiệp tích cực, phát hiện chủ động chẩn đoán sớm và quản lý bệnh lao, đảm bảo chất lượng điều trị, đủ thuốc chống lao; tăng cường công tác đào tạo, tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực phòng chống Lao. Số bệnh nhân Lao phát hiện điều trị hằng năm đều đạt và vượt kế hoạch giao, năm 2020 phát hiện 311 bệnh nhân (108% KH năm).

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống HIV/AIDS chỉ đạo triển khai thực hiện mít tinh hưởng ứng tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS và ngày Thế giới phòng, chống HIV/AIDS hằng năm. Triển khai thường xuyên các hoạt động chương trình giám sát phát hiện, can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS; số lượt người được tiếp cận (năm 2020): 64.914; cấp phát bơm kim tiêm sạch: 989.973. Số người nhiễm HIV/AIDS quản lý: 1.401, số bệnh nhân nhận thuốc lũy kế: 1.587. Số phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm và trở lại nhận kết quả: 14.969. Lũy kế người nhiễm HIV: 3.187; lũy kế bệnh nhân AIDS: 2.594, tổng số bệnh nhân AIDS tử vong: 1.552. Số nhiễm HIV/AIDS còn sống: 1.635 (0,22%), thấp hơn mục tiêu quốc gia (<0,3%).

Công tác phòng, chống sốt rét: Triển khai Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin giai đoạn 2018-2020 (Dự án



RAI2E); Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng (Dự án ADB.84). Thực hiện giám sát chặt chẽ, trong năm không phát hiện bệnh nhân sốt rét, tổ chức các hoạt động truyền truyền, tầm màn bằng hóa chất phòng, chống sốt rét. Trong năm không phát hiện bệnh nhân phong mới, duy trì loại trừ bệnh nhân phong trên quy mô huyện ( $<0.2/10.000$  dân).

*3.3.3. Kết quả phối hợp các lực lượng, tổ chức thực hiện tốt chương trình kết hợp quân dân y:* Thực hiện tốt chương trình quân, dân y kết hợp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị y tế với lực lượng quân y Bệnh xá Đoàn Kinh tế-Quốc phòng 345. Lực lượng quân y đã thực hiện khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn; tích cực tham gia truyền thông GDSK, thực hiện các chương trình y tế như tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh.

*3.3.4. Kiểm soát bệnh tật, quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, phát triển y học gia đình:* Tổ chức hội thảo, triển khai mô hình quản lý, điều trị tăng huyết áp và đái tháo đường theo nguyên lý y học gia đình tại TP Lào Cai; triển khai mô hình điểm tại 12 Trạm y tế của huyện Bát Xát. Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực về phòng, chống bệnh không lây nhiễm; tổ chức 06 lớp tập huấn cho 180 cán bộ của 6 huyện/thành phố về quản lý, chẩn đoán, điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường theo nguyên lý y học gia đình. Triển khai khám sàng lọc, phát hiện cao huyết áp tại tuyến xã: Tổng số BN đang quản lý điều trị: 4.441 (đái tháo đường: 2.258, basedow: 708, suy giáp: 476, BC đơn thuần: 6, bệnh tuyến giáp khác: 993). trì thực hiện hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em tại 152/152 xã, phường.

*3.3.5. Củng cố, phát triển và thực hiện đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã, triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ:* 100% trung tâm y tế các huyện, thành phố, xã, phường xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh tại địa phương; 100% các cơ sở y tế tổ chức giám sát tình hình dịch bệnh thường xuyên, định kỳ; 100% các vụ dịch được phát hiện, điều tra, giám sát, báo cáo, đánh giá xử lý kịp thời, đặc biệt là các bệnh dịch mới nổi và tái nổi; 100% nhân viên y tế thôn bản các xã được cập nhật nâng cao kỹ năng truyền thông, giám sát phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng; 100% các xã, phường và các trường học ở các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra dịch bệnh được tuyên truyền về các kiến thức phòng chống dịch bệnh; 100% các cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở y tế dự phòng đóng trên địa bàn Lào Cai thực hiện khai báo, báo cáo bệnh truyền nhiễm bằng phần mềm trực tuyến theo quy định của Bộ Y tế; 100% các cơ sở tiêm chủng đóng trên địa bàn Lào Cai triển khai thực hiện hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia bao gồm các phòng tiêm chủng dịch vụ.

*3.3.6. Triển khai hệ thống số sức khỏe điện tử đến từng người dân; cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh.* Triển khai xây dựng kế hoạch, lộ trình phù hợp, từng bước thực hiện để tiến tới mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe, khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ. Đến năm 2020, số người dân được quản lý sức khỏe điện tử ước đạt 60%.

*3.3.7. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, các xã biên giới:* Quan tâm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em nhất là ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, các xã biên giới. Hằng năm đều mở các lớp tập huấn cập nhật kiến thức, thực hành về chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ, kỹ năng truyền thông và chuyển tuyến cho cô đỡ thôn bản và y tế thôn bản. Khám sức khỏe sinh sản cho các em học sinh trung học cơ sở tại các trường dân tộc bán trú của 5 huyện Bát Xát, Mường Khương, Văn Bàn, Bảo Yên, Bảo Thắng. Xây dựng và duy trì 22 mô hình cải thiện thực hành chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại 22 xã nông thôn mới với các hoạt động. Số PN đẻ được khám thai 3 lần/ 3 thời kỳ duy trì trên 75%; tổng số bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh đạt trên 65,5%; số PN đẻ được cán bộ y tế đỡ đạt trên 90,7%.

***3.4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện:***

Hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở được chú trọng, phát triển. Tuyến tỉnh có 05 bệnh viện (BV) (BVĐK tỉnh, BV Sản Nhi, BV Phục hồi chức năng, BV Y học cổ truyền, BV Nội tiết); tuyến huyện có 8 BVĐK, 09 trung tâm Y tế (TTYT Si Ma Cai thực hiện đa chức năng). Có 18 PKĐKKV trực thuộc BV, 152 trạm y tế xã, phường, thị trấn trực thuộc trung tâm y tế huyện thành phố, thị xã. Hệ thống bệnh viện đảm bảo tính kết nối, tuyến tỉnh có đủ các BV đa khoa, chuyên khoa đáp ứng theo mô hình bệnh tật và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Các bệnh viện tiếp tục được đầu tư, năm 2019 hoàn thành xây mới BV Nội tiết, BV Y học cổ truyền; sửa chữa BVĐK tỉnh, nâng cấp BVĐK huyện Bảo Thắng; xây dựng 10 trạm y tế từ nguồn vốn EU, hiện cả 9 trạm y tế đã bàn giao đưa vào sử dụng. Các BV đều có hệ thống xử lý rác thải đảm bảo quy định. Hiện nay cụm BVĐK tỉnh đang triển khai xử lý rác thải rắn y tế theo công nghệ không đốt, xử lý cho tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố (mô hình cụm), các đơn vị tuyến huyện chủ yếu áp dụng Lò đốt rác Chuwastar, các trạm y tế chủ yếu sử dụng phương pháp lò đốt thủ công và chôn lấp rác. Nhìn chung các đơn vị y tế đã thực hiện tốt việc quản lý chất thải y tế theo quy định.

Các cơ sở y tế đã thực hiện đúng hệ thống phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế, trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyên môn không để xảy ra sai sót. Thực hiện tốt quy định về phân tuyến kỹ thuật, khuyến khích thực hiện các kỹ thuật vượt tuyến (trong điều kiện cho phép). Thực hiện đúng lộ trình liên thông, lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Đến hiện tại đã thực hiện thông tuyến khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại bệnh viện tuyến huyện. Thực hiện công nhận kết quả xét nghiệm, giữa các cơ sở khám, chữa bệnh gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ. Triển khai hiệu quả Đề án bệnh viện vệ tinh tại BVĐK tỉnh (vệ tinh của BV Bạch Mai, BV Việt Đức); BV Sản Nhi (vệ tinh của BV Phụ sản TW và BV Nhi TW); BVĐK huyện Mường Khương (vệ tinh của BV Trường Đại học Y Hà Nội); BVĐK huyện Sa Pa (tiếp nhận hỗ trợ của BV Bạch Mai). Các BV Trung ương đã tích cực hỗ trợ đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho các BV của tỉnh. Tiếp tục phát triển dịch vụ y tế chất lượng cao trong

khám, chữa bệnh. Duy trì hoạt động Đề án 1816 của Bộ Y tế. Sở Y tế đã ban hành kế hoạch luân phiên cán bộ y tế tuyến trên hỗ trợ chuyên môn tuyến dưới; có 72 bác sỹ đã được cử luân phiên cho trạm y tế xã, khám chữa bệnh ít nhất 2 ngày/tuần. Các bệnh viện đã triển khai các gói dịch vụ kỹ thuật mới, điều trị nhiều ca bệnh khó, phức tạp ngay tại cơ sở.

Hệ thống khám chữa bệnh bằng y dược cổ truyền (YHCT) đã phát triển cả về chất lượng và quy mô. Tuyến tỉnh có Bệnh viện YHCT, Khoa YHCT thuộc BVĐK tỉnh, Bệnh viện PHCN kết hợp giữa y học hiện đại với YHCT. Tuyến huyện hiện có 10/10 BVĐK đã có Khoa YHCT (bao gồm cả 01 BVĐK tư nhân). Tuyến xã, có 152/152 (100%) trạm tế xã đạt chuẩn tiêu chí Quốc gia về y tế xã trong đó có đạt tiêu chí về YHCT, có 149/152 (đạt 98%) trạm y tế có vườn thuốc nam mẫu và có hoạt động khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Các cơ sở YHCT từ tuyến tỉnh đến cơ sở được trang bị các trang thiết bị thiết yếu có công nghệ, kỹ thuật mới; năng lực, trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ, thầy thuốc, lương y lĩnh vực YHCT ngày càng được nâng cao.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức, tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên y tế ngày càng tốt hơn, trong nhiều năm không có phản ánh, khiếu nại của người bệnh về tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân. Các bệnh viện, trạm y tế thực hiện xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh. Chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính; tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời. Năm 2020 ngành y tế đã tiếp nhận 6.364 tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt 99,3%. Các BV thực hiện tốt các thủ tục tiếp đón, khám bệnh, nhập viện, thanh toán, ra viện cho bệnh nhân; phát triển đội ngũ làm công tác xã hội tại bệnh viện, tổ chức hướng dẫn người bệnh trong quá trình khám bệnh và điều trị.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế. Đầu tư trang thiết bị phục vụ triển khai các phần mềm Quản lý, lưu trữ, truyền tải hình ảnh (PACS), Bệnh án điện tử (EMR), phần mềm quản lý sức khỏe người dân. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin với các Phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm Quản lý và truyền tải hình ảnh (RIS-PACS) khám chữa bệnh từ xa, phần mềm Bệnh án điện tử (EMR) giai đoạn 2019-2021, hiện đang triển khai tại BVĐK tỉnh, BV Sản Nhi tiến tới nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

Triển khai tốt việc thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh BHYT giữa các cơ sở khám, chữa bệnh với cơ quan BHXH phục vụ quản lý thông tuyến và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Tổ chức thực hiện Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định về Hồ sơ bệnh án điện tử; rà soát hạ tầng, thiết bị, chủ động nâng cấp, bổ sung hoặc đề xuất đầu tư đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, bệnh án điện tử tiến tới lưu trữ hồ sơ bệnh án điện tử thay thế lưu trữ hồ sơ giấy.

Triển khai hiệu quả các chính sách của nhà nước, của tỉnh trong công tác khám, chữa bệnh, dự phòng: Khám chữa bệnh BHYT, khám chữa bệnh cho người nghèo theo Quyết định 10/2016/QĐ-UBND, Chính sách hỗ trợ công tác DS-KHHGD tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 90/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh Lào Cai; Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP....

### **3.5. *Đẩy mạnh phát triển ngành dược và thiết bị y tế:***

#### **3.5.1. *Tình hình phát triển cơ sở kinh doanh dược:***

a) Phát triển đội ngũ cán bộ và mạng lưới kinh doanh dược

- Nhân lực: Đến 25/12/2020 toàn tỉnh có 858 cán bộ dược, trong đó: Khối hành chính sự nghiệp có 462, Khối kinh doanh dược có 396, trong đó có 200 dược sỹ đại học và sau đại học, đạt 2,73 DSĐH/10.000 dân vượt mục tiêu của đề án (mục tiêu đề án: 1,5 dược sỹ đại học/ vạn dân, ước thực hiện hết 2020 là 2,2 dược sỹ đại học/vạn dân).

- Hệ thống cơ sở kinh doanh thuốc: Đến tháng 12/2020 toàn tỉnh có 350 cơ sở kinh doanh dược (10 cơ sở bán buôn, 139 nhà thuốc, 210 quầy thuốc). Các doanh nghiệp đã được Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc-GDP”; cơ sở bán lẻ đều đạt chuẩn “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” (GPP). Hiện 100% các nhà thuốc, quầy thuốc trên địa bàn tỉnh đã thực hiện kết nối liên thông dữ liệu với hệ thống “Cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia” theo quy định của Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 23/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **3.5.2 *Tình hình cung ứng thuốc:***

Đảm bảo cung ứng đủ thuốc có chất lượng trong danh mục thuốc chủ yếu phục vụ người dân. Việc cung ứng thuốc tại các cơ sở y tế thực hiện theo kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia, cấp địa phương. Từ năm 2019, việc đấu thầu tập trung cấp địa phương giao cho Trung tâm Kiểm nghiệm thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh; đảm bảo cung ứng kịp thời, đầy đủ thuốc cho các cơ sở khám chữa bệnh. Thường xuyên kiểm tra, lấy mẫu kiểm nghiệm thuốc hằng năm theo kế hoạch; chất lượng thuốc trên địa bàn toàn tỉnh ổn định, không có thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc bị đình chỉ lưu hành tại các cơ sở. Khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước: Hưởng ứng cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" và Đề án "Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam" của Bộ Y tế và thực hiện kế hoạch công tác dược của tỉnh. Năm 2020, tỷ lệ mua thuốc sản xuất trong nước đạt 59,9%.

3.5.3. *Về phát triển dược liệu:* UBND tỉnh ban hành quy hoạch, kế hoạch phát triển dược liệu của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định 4478/QĐ-UBND ngày 14/12/2016); chỉ đạo việc đánh giá, kiểm tra nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc” của Bộ Y tế đối với các dược liệu trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, tỉnh Lào Cai đã có 5 cây dược liệu đã được Bộ Y tế đánh giá công nhận đạt các nguyên tắc, tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO), cụ thể: trồng 50 ha Actiso tại huyện Sa Pa; 35.000 ha Chè dây tại

huyện Sa Pa, Bát Xát; 5 ha Cát cánh tại huyện Bắc Hà; 3,2 ha Xuyên khung tại huyện Bát Xát và 4,0 ha Đương Quy tại huyện Bắc Hà.

**3.5.4. Tăng cường phòng, chống buôn lậu, sản xuất, kinh doanh thuốc giả, kém chất lượng:** Chỉ đạo tăng cường kiểm tra các cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh thuốc, mỹ phẩm trên địa bàn. Hằng năm đều thành lập các đoàn liên ngành cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện thanh, kiểm tra đối với các cơ sở. Thực hiện tốt việc đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Qua kiểm tra cho thấy đã triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg khẩn trương, kịp thời, nghiêm túc; công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực dược, mỹ phẩm và ATTP thực hiện theo đúng quy định; các cơ sở kinh doanh đã chấp hành các quy định của pháp luật.

### **3.6. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế:**

Đội ngũ cán bộ ngành y tế được tỉnh quan tâm, tăng cường ngày càng đảm bảo công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân. Đến 12/2020 nhân lực y tế toàn tỉnh có 4.879 cán bộ (937 BS, 220 dược sỹ đại học), trong đó Ngành y tế: 3.834 cán bộ (780 bác sỹ, 145 dược sỹ đại học), còn lại là cán bộ khoa y tế Trường Cao đẳng Lào Cai, BVĐK Hưng Thịnh, Y tế tư nhân. Bình quân đạt 12,6 bác sỹ, 03 dược sỹ đại học/vạn dân.

- Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế với nhiều loại hình. Giai đoạn 2016-2020 đã Cử 174 cán bộ đi đào tạo trình độ sau đại học (CKII: 36; CKI: 116; Thạc sỹ: 22). Đào tạo bác sỹ chính quy: 75 (Đào tạo BS theo địa chỉ sử dụng: 08; đào tạo BS huyện nghèo 30a: 22; đào tạo bác sỹ cử tuyển: 45). Đào tạo bác sỹ chuyên tu: 48 cán bộ; đào tạo đại học, cao đẳng khác: 1.021 cán bộ (trong đó ĐH: 275; CĐ: 746). Đào tạo trung cấp dược hệ chuyển đổi: 14 cán bộ; Y sỹ định hướng YHCT: 32.

- Thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo theo Quyết định 97/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh). Số cán bộ được hưởng chính sách thu hút 47, số tiền 2.790 triệu đồng; hỗ trợ đào tạo 97 cán bộ, số tiền 1.563 triệu đồng; đãi ngộ 765 lượt cán bộ, số tiền trên 46 tỷ đồng.

### **3.7. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế:**

- Tiếp tục hoàn chỉnh về chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị y tế và thực hiện tinh giản đầu mối theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Từ năm 2016, hệ thống y tế gồm 56 cơ quan, đơn vị; Sở Y tế đa tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh sắp xếp, sáp nhập những đầu mối, đơn vị có sự tương đồng về chức năng, hoạt động kém hiệu quả, cụ thể đã tinh giản 27 đầu mối, gồm 5 đầu mối tuyến tỉnh (*Sáp nhập các trung tâm: Y tế dự phòng, Truyền thông giáo dục sức khỏe, Phòng chống Sốt rét, Phòng chống HIV/AIDS, Chăm sóc sức khỏe sinh sản thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; chuyển Ban Quản lý dự án XDCB xang sở Giao thông xây dựng*) và 21 đầu tuyến huyện (*Giải thể 9 phòng y tế, sáp nhập 9 Trung tâm DS-KHHGD, 3 Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm vào Trung*

*tâm Y tế dự phòng*). Giải thể 18 PKĐKKV hoạt động kém hiệu quả, giảm 12 trạm y tế do sáp nhập đơn vị hành chính tuyến xã. Đến năm 2020, ngành Y tế tỉnh Lào Cai còn 30 đầu mối: 3 đơn vị QLNN tuyến tỉnh, 10 đơn vị sự nghiệp tuyến tỉnh (5 BV, 5 Trung tâm), 17 đơn vị tuyến huyện (9 trung tâm y tế, 8 BVĐK). Có 18 PKĐKKV trực thuộc BVĐK tuyến huyện, 152 trạm y tế tuyến xã trực thuộc trung tâm y tế huyện/thị xã/TP.

Nâng hạng cho 11 đơn vị, giữ hạng 03 đơn vị, đến năm 2020, toàn ngành có 02 đơn vị xếp hạng I (Kiểm soát bệnh tật, BVĐK tỉnh); 12 đơn vị xếp hạng II (BV chuyên khoa tuyến tỉnh, BVĐK huyện/thị xã, các trung tâm tuyến tỉnh); 10 đơn vị xếp hạng III (BVĐK thành phố và 9 TTYT); 3 đơn vị không xếp hạng (Kiểm nghiệm, Pháp Y, Giám định Y khoa).

Chỉ đạo triển khai mạnh mẽ các chương trình, đề án: Đề án BV vệ tinh, đề án 1816, đề án 585 của Bộ Y tế, thực hiện luân phiên cán bộ chuyên môn cho tuyến dưới, thực hiện chuyển giao kỹ thuật. Đến hết năm 2020, số gói dịch vụ kỹ thuật mới tuyến tỉnh đã triển khai là: 129/101 (đạt 127,7% KH); số gói dịch vụ kỹ thuật mới tuyến huyện đã triển khai là 125/98 (138% KH); qua đó thực hiện tốt hơn việc cung ứng dịch vụ cho cơ sở. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra các hoạt động chuyên môn, phát hiện xử lý kịp thời các cơ sở vi phạm theo quy định.

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển mạng lưới y tế trong và ngoài công lập. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính; thẩm định, cấp mới và thu hồi giấy phép các cơ sở hành nghề YTTN theo đúng quy định. Đến 6/2021 Đến 6/2021, tổng số cơ sở hành nghề y tế tư nhân đang hoạt động: 168 (BV tư nhân: 01; PKĐK: 07; PKCK: 115; PK tư vấn và điều trị dự phòng: 14; Phòng chẩn trị YHCT: 15; cơ sở dịch vụ y tế: 10; cơ sở xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh: 06).

### **2.8. Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế:**

Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại các bệnh viện và Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đối với BVĐK tỉnh, BV Sản nhi. Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới. Tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo, người dân tộc thiểu số điều trị nội trú, số phụ nữ nghèo sinh con tại cơ sở y tế với tổng số tiền hỗ trợ trên 13.584 triệu. Tham mưu sử dụng nguồn kinh phí giảm cấp ngân sách do giá dịch vụ đã kết cấu tiền lương để đầu tư mua sắm tài sản, trang thiết bị y tế và một số nội dung khác theo quy định, số tiền trên 100 tỷ đồng.

Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Hằng năm, UBND tỉnh ban hành các kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu Y tế, Dân số năm 2019 và ưu tiên bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ cho các hoạt động. Tiếp

tục tham mưu sử dụng nguồn vốn từ Chương trình hỗ trợ chính sách ngành Y tế do EU viện trợ để đầu tư y tế cơ sở, xây mới, nâng cấp 10 trạm y tế xã, kinh phí 52.500 triệu đồng; hỗ trợ mua sắm 02 đơn nguyên sơ sinh cho BVĐK huyện Bảo Yên, Sa Pa, số tiền 1.000 triệu đồng; hỗ trợ mô hình 03 xã điểm, mua sắm trang thiết bị đáp ứng triển khai mô hình y học gia đình tại các trạm y tế xã từ nguồn vốn do Dự án HPET tài trợ.... Ngân sách nhà nước, BHYT bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Trong năm, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 quy định giá dịch vụ cho người không có thẻ BHYT, mức giá bằng giá tối đa quy định tại Thông tư số 14/2019/TT-BYT. Từ năm 2020, đối tượng có thẻ và không có thẻ BHYT trên địa bàn tỉnh sẽ thực hiện cùng một mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tạo thuận lợi cho các cơ sở khám, chữa bệnh khi thanh quyết toán và tại ra sự công bằng giữa các đối tượng, đồng thời tỷ lệ bao phủ BHYT sẽ tiếp tục tăng. Năm 2020, và 6 tháng đầu năm 2021, UBND tỉnh đã cân đối, bố trí nguồn kinh phí cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19 (6 tháng đầu năm 2021 cân đối bổ sung cho ngành y tế là trên 73 tỷ đồng).

Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính. Có chính sách ưu đãi về đất, tín dụng... để khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Năm 2020, lĩnh vực y tế có 03 đơn vị tự chủ toàn bộ chi thường xuyên là Bệnh viện PHCN và Bệnh viện Nội tiết, Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế (năm 2021 có thêm BV Sản Nhi đăng ký tự chủ 100% chi thường xuyên). Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập để đẩy nhanh mức độ tự chủ tiến tới tự chủ chi thường xuyên đảm bảo tỷ lệ theo kế hoạch. Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, liên doanh liên kết... bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu.

### ***2.9. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế:***

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về hội nhập quốc tế; quán triệt đầy đủ các nội dung trọng tâm của Đề án 14-ĐA/TU của Tỉnh ủy về “Mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế, giai đoạn 2016 - 2020” tới toàn thể các đồng chí lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, cơ quan đơn vị trực thuộc. Hợp tác chặt chẽ với tỉnh Vân Nam (Trung quốc) trong công tác giám sát, phòng, chống dịch bệnh, thực hiện việc duy trì thường xuyên 04 hoạt động cơ bản: phòng chống HIV/AIDS, xét xuất huyết và phòng chống lây truyền Sốt rét, phòng chống dịch bệnh qua biên giới giữa Thành phố Lào Cai huyện Hà Khẩu - Trung Quốc. Phối hợp trong việc phòng chống ngăn chặn dịch bệnh, kiểm tra y tế cho người, phương tiện, phòng chống hàng giả, gian lận thương mại, các nguy cơ mất an toàn thực phẩm... qua biên giới.

Phối hợp triển khai hiệu quả các dự án quốc tế: Chương trình hỗ trợ chính

sách ngành y tế do EU tài trợ; Dự án chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em dựa trên đội ngũ cô đỡ thôn bản tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2018 do Tổ chức Samaritan's Purse tài trợ; Dự án “Chẩn đoán, chăm sóc và điều trị AIDS” do quỹ chăm sóc sức khỏe AIDS hoa kỳ (AHF) tài trợ; Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả do Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ; Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ; Dự án Sáng kiến khu vực ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin năm 2018 tỉnh Lào Cai do Quỹ toàn cầu phòng chống AIDS, Lao và Sốt rét tài trợ; Dự án “Trao quyền và nâng cao vị thế kinh tế cho phụ nữ thông qua cải thiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ, sản phẩm sức khỏe sinh sản KHHĐ tại tỉnh Lào Cai, do Tổ chức Marie Stoppes International (Anh) tài trợ...

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Thực hiện nhanh chóng, kịp thời việc xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản chỉ đạo tới toàn thể các sở, ban, ngành, đoàn thể; các huyện/thị xã/thành phố về thực hiện Nghị quyết -20/TW của ban chấp Hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. Sở Y tế là cơ quan thường trực thực hiện Nghị quyết, các sở ngành liên quan; cấp ủy, UBND các huyện/thị xã/thành phố đều đã ban hành văn bản, triển khai công tác thực hiện Nghị quyết.

Công tác tuyên truyền quán triệt được triển khai sâu rộng trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và nhân dân; có sự phối hợp vào cuộc tích cực giữa các Sở, ban ngành, đoàn thể các huyện/thị xã/Thành phố trong triển khai thực hiện Nghị quyết.

Các mục tiêu trọng tâm trong Kế hoạch được triển khai thực hiện đảm bảo đúng theo tiến độ. Các nhiệm vụ, giải pháp được triển khai tích cực hiệu quả. Mạng lưới các đơn vị y tế tiếp tục được tinh gọn, theo hướng hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nhiều bệnh viện, cơ sở y tế được đầu tư ngân sách xây mới, nâng cấp, sửa chữa... Các đơn vị y tế đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu, triển khai thực hiện các mục tiêu chương trình y tế, dân số trên địa bàn tỉnh, nhiều chỉ tiêu trong kế hoạch đã đạt theo kế hoạch đề ra. Công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh nhiễm khuẩn do Covid-19 và bảo đảm an toàn thực phẩm được quan tâm, chú trọng, triển khai có hiệu quả.

Chất lượng công tác khám, chữa bệnh ngày càng được nâng cao; trang thiết bị tiếp tục được bổ sung; Y tế cơ sở tiếp tục được quan tâm phát triển. Triển khai mạnh công nghệ thông tin, ứng dụng hiệu quả Đề án khám chữa bệnh từ xa tại BVĐK tỉnh, BV Sản Nhi, từng bước nhân rộng tại các cơ sở KCB khác; 100% các trạm y tế đều đã được nối mạng Internet để cập thật thông tin. Công tác xây dựng trạm y tế theo mô hình điểm của Bộ Y tế được triển khai tích cực; từng bước triển khai thực hiện mô hình hoạt động bác sỹ gia đình; duy trì tốt tiêu chí quốc gia y tế tại 152/152 xã, phường, thị trấn.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**



- Dịch bệnh COVID-19 xuất hiện đột ngột, diễn biến bất thường đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động phát triển kinh tế văn hóa xã hội của tỉnh; làm chậm tiến độ triển khai các hoạt động y tế, ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu Nghị quyết 20-NQ/TW và Nghị quyết 139/NQ-CP.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của các đơn vị y tế, nhất là tuyến huyện đã xuống cấp và phát sinh hằng năm; nhiều cơ sở hoạt động trong điều kiện rất khó khăn. Việc triển khai, phát triển các dịch vụ chuyên môn kỹ thuật mới, kỹ thuật tiên tiến còn hạn chế.

- Dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, uốn ván sơ sinh, tai biến sản khoa còn xảy ra. Số phơi nhiễm bệnh dại cao, nguy cơ dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm lớn. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn cao so với trung bình toàn quốc. Một số mục tiêu còn đang ở mức cao, khó thực hiện, đặc biệt là chỉ tiêu về tuổi thọ trung bình, số năm sống khỏe, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, chiều cao trung bình.

- Việc triển khai các chương trình mục tiêu y tế giai đoạn 2021-2025 còn chưa có văn bản triển khai và hướng dẫn cụ thể, Thông tư số 26/2018/TT-BTC đã hết hiệu lực nên việc triển khai chương trình năm 2021 gặp nhiều khó khăn.

- Công tác Dân số còn gặp nhiều khó khăn, mức sinh còn cao; kinh phí chương trình dân số- KHHGD đã bị cắt giảm, tuy địa phương đã quan tâm bổ sung nhưng còn thấp, thiếu, chưa đáp ứng cho việc triển khai (kinh phí mua phương tiện tránh thai để cấp phát cho đối tượng miễn phí, hoạt động duy trì và mở rộng các mô hình, đề án...) Năm 2021, nhiều qui định, hướng dẫn còn chậm có sự thay đổi như công tác quản lý đối tượng, giá và hình thức cung cấp phương tiện tránh thai tại cơ sở y tế.

- Công tác tài chính y tế, tự chủ bệnh viện gặp nhiều khó khăn, do tần suất sử dụng dịch vụ thấp, nguồn thu bảo hiểm y tế (BHYT) vẫn là chủ yếu, nguồn thu trực tiếp từ bệnh nhân là không đáng kể, do đó việc giao tự chủ chi thường xuyên cho các bệnh viện còn khó khăn.

*\* Nguyên nhân:*

- Do điều kiện địa hình, địa lý phức tạp, ảnh hưởng nhiều công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, triển khai hai các chương trình y tế. Trên địa bàn còn tồn tại những ổ dịch cũ, nguy cơ tái phát. Nhận thức của dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số còn những hạn chế, ý thức chấp hành các quy định về phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm ATTP còn chưa tốt.

- Nhu cầu đầu tư cho ngành y tế là rất lớn, nhiều phát sinh trong quá trình hoạt động, nhất là trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; trong khi nguồn lực của tỉnh có hạn.

- Đội ngũ cán bộ chất lượng cao, cán bộ chuyên sâu thiếu so quy định nhất là các bệnh viện lớn, bệnh viện tuyến tỉnh. Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương có nơi còn hạn chế. Công tác khám chữa bệnh BHYT còn nhiều bất cập, mất cân đối thu chi, gây khó khăn cho hoạt động bệnh viện nhất là trong giai đoạn từng bước tự chủ về tài chính.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

Để việc triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, được hiệu quả, cần có được sự lãnh đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND, sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Cần coi trọng công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về phòng chống dịch bệnh tới toàn thể người dân; bảo đảm các cấp, các ngành có được sự nhận thức sâu sắc về ý nghĩa to lớn và tầm quan trọng của Nghị quyết 20-NQ/TW “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tình hình mới” đối với sự nghiệp phát triển KT- XH trên địa bàn tỉnh.

Xác định việc tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị các đơn vị y tế vẫn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong giai đoạn hiện nay; đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế vừa giỏi chuyên môn nghiệp vụ, vừa có tinh thần trách nhiệm trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển ngành y tế tỉnh Lào Cai.

Phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động tổng thể các nguồn lực từ ngân sách, nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước, nguồn lực từ cộng đồng cho triển khai thực hiện Nghị quyết.

Phát huy vai trò chủ đạo của ngành y tế, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành liên quan trong việc tham mưu thực hiện Nghị quyết. Cần có sự theo dõi, đánh giá, tiến độ triển khai, kịp thời phát hiện các khó khăn vướng mắc, đề xuất các biện pháp giải quyết, tháo gỡ kịp thời.

### **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức và nhiệm vụ của các cấp ủy chính quyền địa phương, các sở, ban, ngành, đoàn thể về Nghị quyết số 20-NQ/TW “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

2 Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tích cực các biện pháp về phòng chống dịch bệnh Covid-19. Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ Tướng chính phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện các biện pháp giám sát, phát hiện, truy vết, cách ly các đối tượng nghi nhiễm. Nâng cao ý thức trách nhiệm, của cấp ủy, chính quyền các cấp và toàn thể nhân dân trong phòng chống Covid-19

3. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, đảm bảo từng bước hiện đại, đồng bộ, tạo điều kiện cho phát triển các dịch vụ kỹ thuật mới, kỹ thuật hiện đại, đáp ứng nhu cầu người dân trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực ngành y tế, thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ ngành y tế có năng lực về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao đối với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

5. Tiếp tục trình HĐND ban hành các chính sách lĩnh vực y tế- dân số (Chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, chính sách dinh dưỡng, chính sách hỗ trợ công tác dân số và phát triển...);

6. Chỉ đạo các sở, ban, ngành UBND các huyện/thị xã/thành phố tăng cường các hoạt động phối kết hợp, lồng ghép trong thực hiện các mục tiêu Nghị quyết 20-NQ/TW một cách đồng bộ, rộng khắp, Chỉ đạo việc triển khai, duy trì các chương trình đề án, của Bộ Y tế đang triển khai trên địa bàn tỉnh. Quan tâm đến các mục tiêu quan trọng, mục tiêu khó thực hiện: Tuổi thọ bình quân, giảm suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi, tăng chiều cao trung bình...

7. Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, đặc biệt công tác khám chữa bệnh BHYT, khám chữa bệnh người nghèo, dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi.

8. Chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm công tác dân số-KHHGD, tiếp tục duy trì giảm sinh, triển khai có hiệu quả các mục tiêu, chương trình nâng cao chất lượng dân số: Sàng lọc trước và sau sinh; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật tại cộng đồng.

9. Tăng cường truyền thông về bảo đảm ATTP, củng cố, nâng cao năng lực trong quản lý về ATTP, tăng cường kiểm tra, giám sát, không để ngộ độc thực phẩm xảy ra.

## **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để việc triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Nghị quyết 139/NQ-CP một cách thuận lợi, hiệu quả trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh Lào Cai đề nghị Bộ Y tế tiếp tục quan tâm chỉ đạo một số nội dung sau:

1. Tham mưu Chính phủ, bố trí ưu tiên nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Lào Cai.

2. Tiếp tục duy trì các dự án đang triển khai có hiệu quả: Chương trình hỗ trợ chính sách ngành y tế do EU tài trợ; Dự án HPET.. sớm triển khai mua, cấp xe ô tô phòng chống dịch bệnh từ Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng (ADB.84). Tiếp tục giúp đỡ tỉnh Lào Cai về cơ sở vật chất cho ngành y tế tỉnh Lào Cai từ các nguồn dự án trong và ngoài nước.

3. Chỉ đạo các Bệnh viện tuyến Trung ương tiếp tục hỗ trợ chuyên môn, thực hiện chuyển giao kỹ thuật cho các bệnh viện của tỉnh Lào Cai theo Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án 1816, Đề án 585 của Bộ Y tế.

4. Tham mưu Chính phủ có kế hoạch, định hướng trong việc triển khai Chương trình mục tiêu y tế- dân số giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương triển khai thực hiện.

5. Đề nghị Bộ Y tế, các bộ, ngành liên quan sớm ban hành khung giá các dịch vụ về lĩnh vực dân số, y tế dự phòng về chăm sóc sức khỏe ban đầu như: Tư vấn khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi; khám sức khỏe trước kết hôn cho thanh niên/vị thành niên; sàng lọc ung thư, thalassemia; sàng lọc trước sinh

và sơ sinh các bệnh bẩm sinh phổ biến... Nâng mức hỗ trợ của Nhà nước trong thanh toán các dịch vụ thuộc lĩnh vực dân số, định mức thanh toán ngang bằng so với mức giá BHYT thanh toán các dịch vụ y tế tương đương, tại cùng thời điểm.

6. Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Y tế tham mưu hướng dẫn định mức chi tiêu của các hoạt động đặc thù của Chương trình Mục tiêu y tế dân số khi chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của địa phương, để có cơ sở tham mưu ban hành chính sách địa phương hoặc đề xuất Bộ Tài chính đồng ý cho các địa phương tạm thời vận dụng quy định định mức tại Thông tư số 26/2018/TT-BTC trong thời gian chưa ban hành hướng dẫn, quy định trong giai đoạn mới. Đề nghị Bộ Y tế sớm tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về vay vốn, huy động vốn, liên doanh liên kết, thuê tài sản, thuê đơn vị cung ứng dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Lào Cai về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”./.

***Nơi nhận:***

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như trên;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Giàng Thị Dung**

**BIỂU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU NQ 20-NQ/TW**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Nội dung mục tiêu	ĐVT	Mục tiêu 2025		Thực hiện năm 2020	
			KH-131/TU	NQ20	SL	So KH 131/TU (%)
1	Tuổi thọ trung bình	tuổi	72	74,5	69,5	97,2
2	Số năm sống khỏe	năm	65	67	-	-
3	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT/dân số	%	>98	95	98	100,9
4	Tỷ lệ chi phí trực tiếp của người dân từ tiền túi của hộ gia đình cho CSSK	%	35	35	-	-
5	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ với 12 loại vắc xin	%	>95	95	96,8	101,8
6	Giảm tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi	‰	18,5	18,5	12,03	65,0
7	Giảm tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	12,5	12,5	8,77	70,2
8	Tỷ lệ suy dinh thể thấp còi trẻ em < 5 tuổi	%	<30	<20	31	90,3
9	Tỷ lệ béo phì ở tuổi trưởng thành	%	<12	<12	-	51,7
10	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam	cm	165	167	165,8	51,7
11	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nữ	cm	156	156	158,5	51,7
12	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90	>80	50	55,6
13	TYT xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng quản lý, điều trị 1 số bệnh không lây nhiễm	%	95	95	60	63,2
14	Số giường bệnh bình quân/10.000 dân	giường	43	30	42,9	99,8
15	Số bác sỹ bình quân/10.000 dân	người	13	10	12,6	96,9
16	Số dược sỹ đại học bình quân/10.000 dân	người	2,8	2,8	2,94	105,0
17	Số điều dưỡng bình quân/10.000 dân	người	25	25	13,8	55,0
18	Tỷ lệ giường bệnh tư nhân (So GB công lập)	%	10	15	3,05	30,5
19	Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ y tế	%	90	80	90	100,0

